

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Gạch ngói Cao cấp

Ngày 30/09/2025	13,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.6%	9.6%	9.6%

DT thuần Q3/25	12.2	tỷ VNĐ
QoQ:	▲ 3.32	37.8%
YoY:	▲ 5.10	72.4%

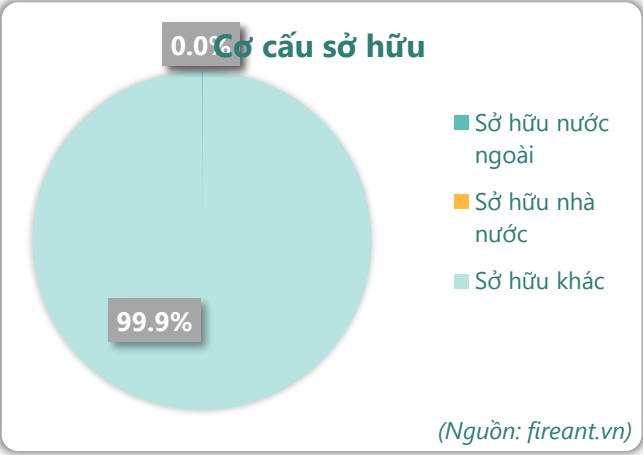
LN thuần Q3/25	0.48	tỷ VNĐ
QoQ:	▼ 0.67	-58.2%
YoY:	▼ 0.21	-30.3%

LN sau thuế Q3/25	0.38	tỷ VNĐ
QoQ:	▼ 0.54	-58.2%
YoY:	▼ 0.27	-40.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25	3.9%
YoY:	+/- ▼ 9.3%

ROE (TTM) Q3/25	5.0%
YoY:	+/- ▼ 0.4%

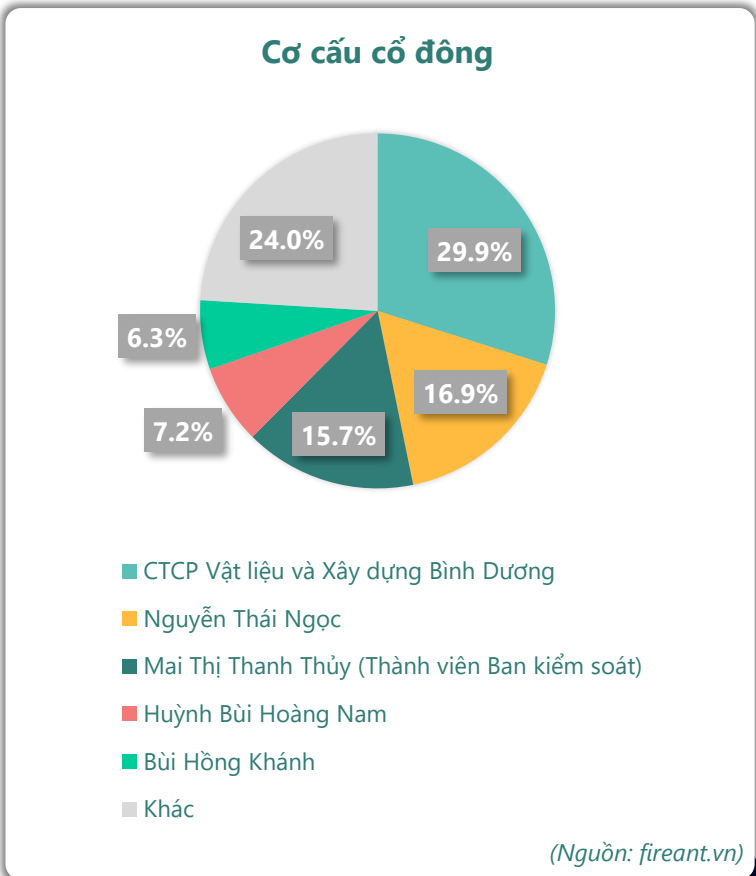
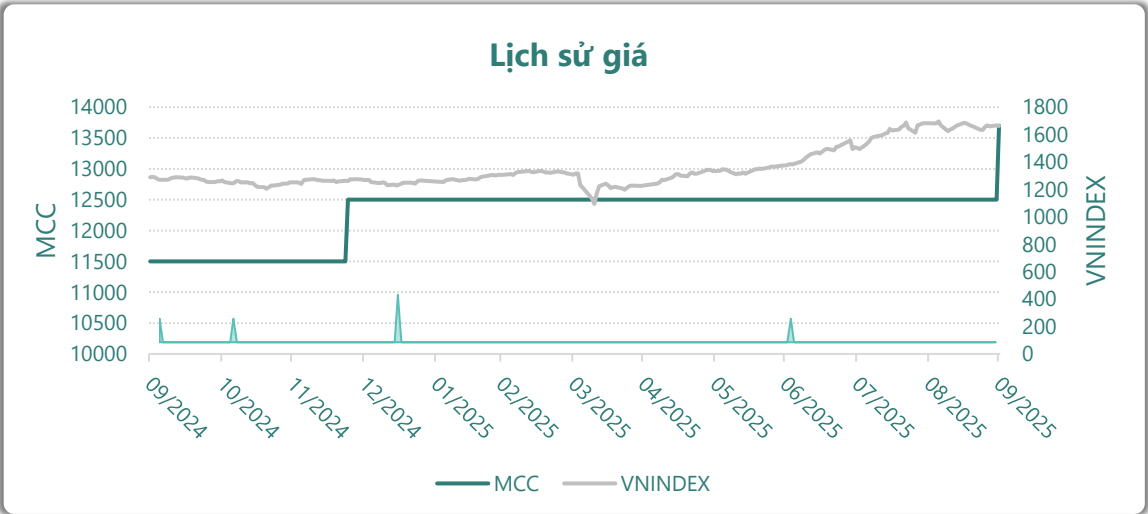
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,500 - 13,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	68
Số lượng CPLH (CP)	4,986,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.02)
EPS	724
P/E	18.9



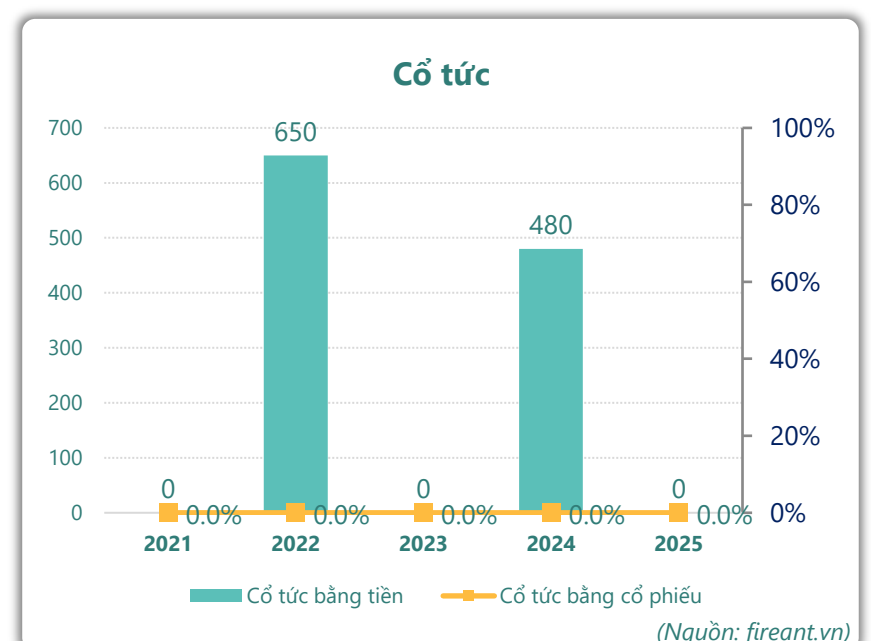
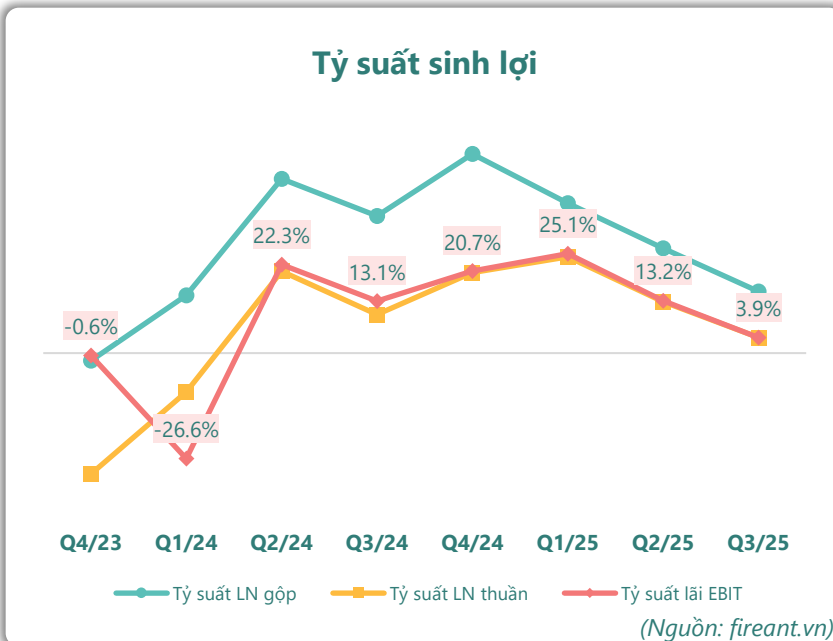
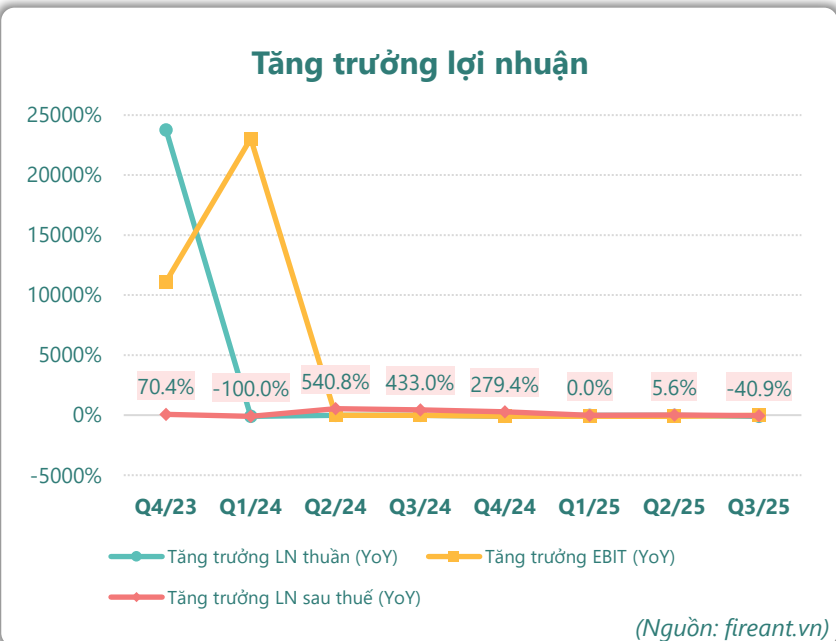
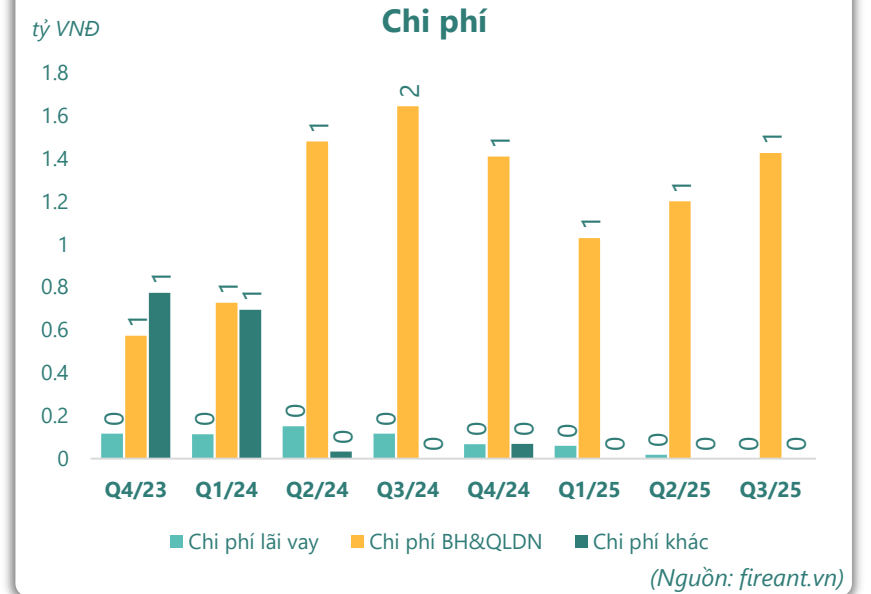
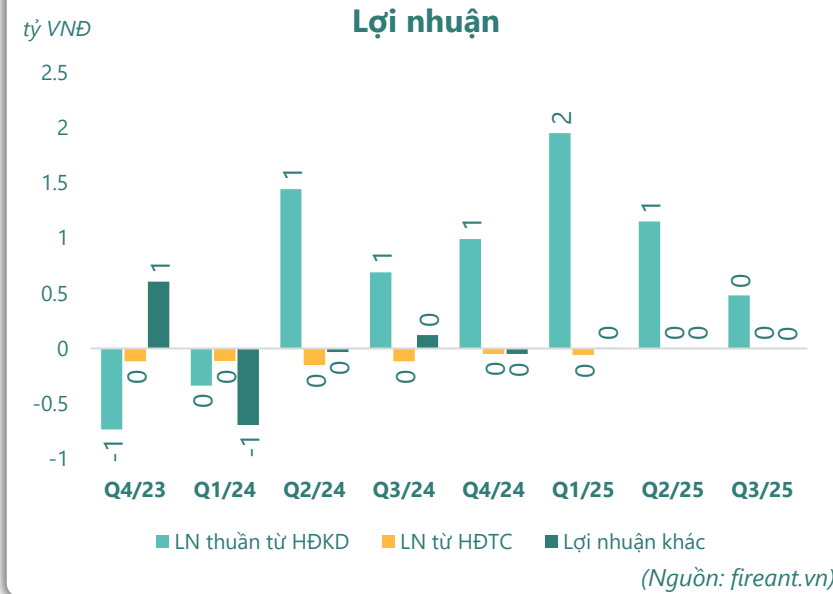
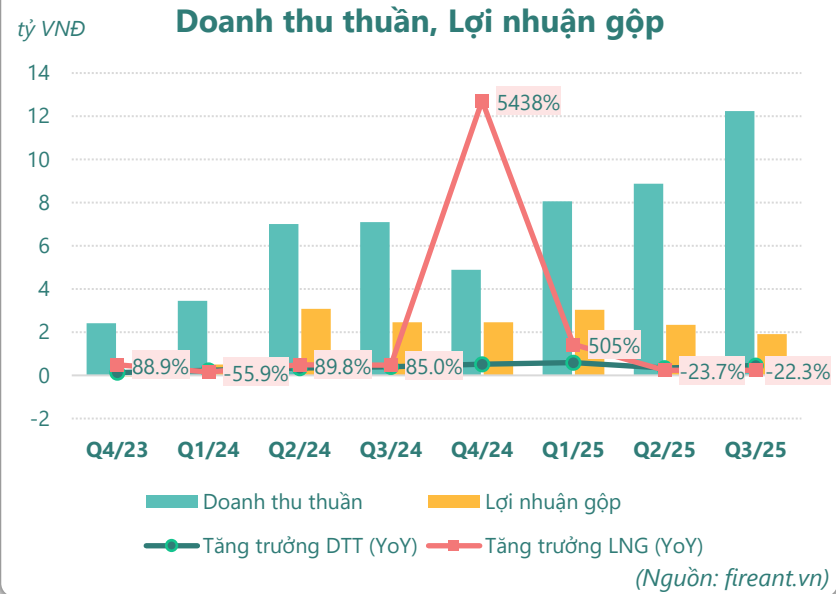
DT thuần 9T 2025	29.2	tỷ VNĐ
YoY:	▲ 11.6	66.2%

LN thuần 9T 2025	3.59	tỷ VNĐ
YoY:	▲ 1.79	99.2%

LN sau thuế 9T 2025	2.87	tỷ VNĐ
YoY:	▲ 2.06	254%



KẾT QUẢ KINH DOANH

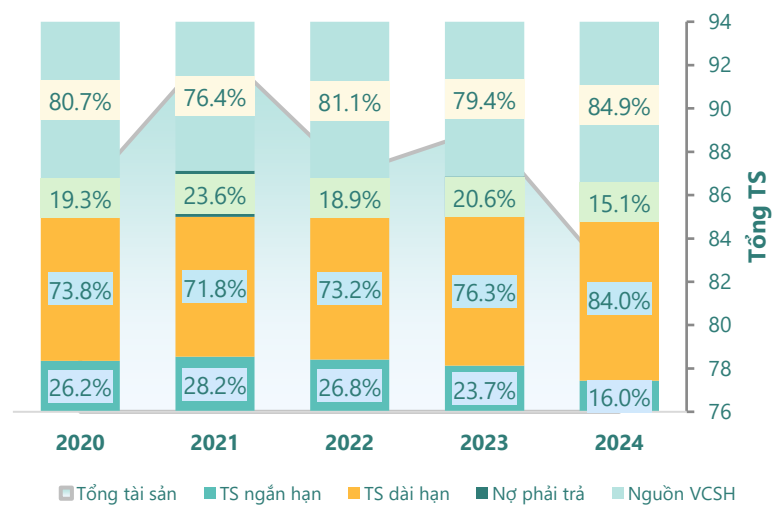




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

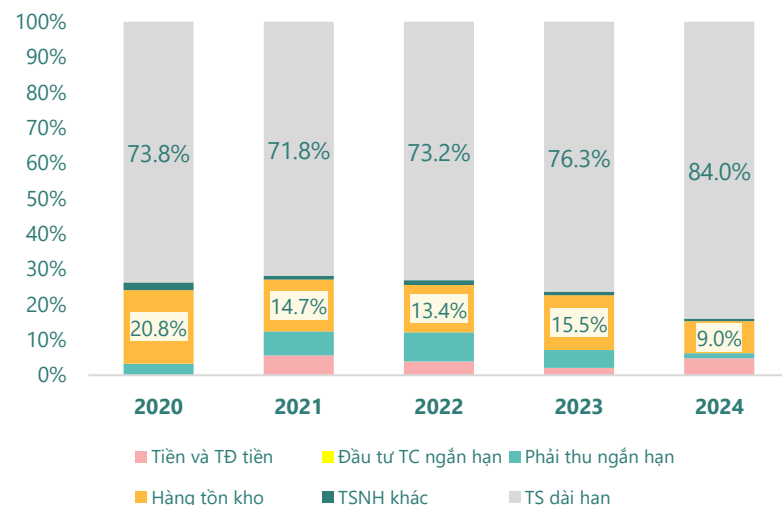
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

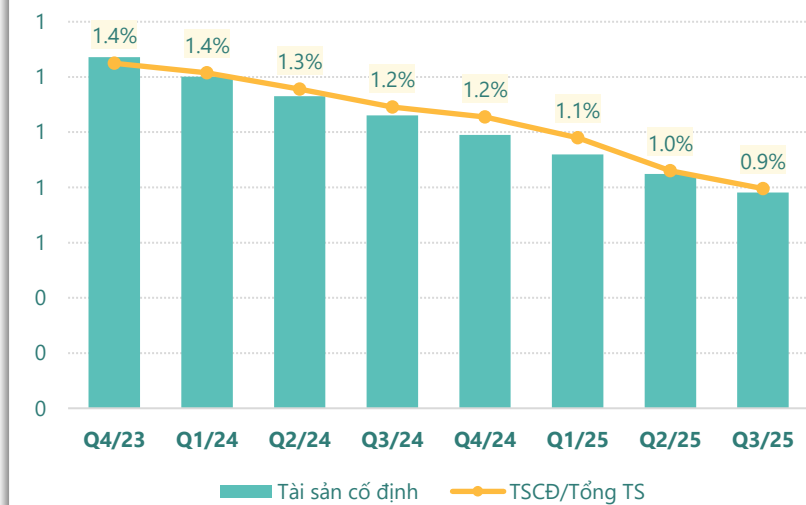
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

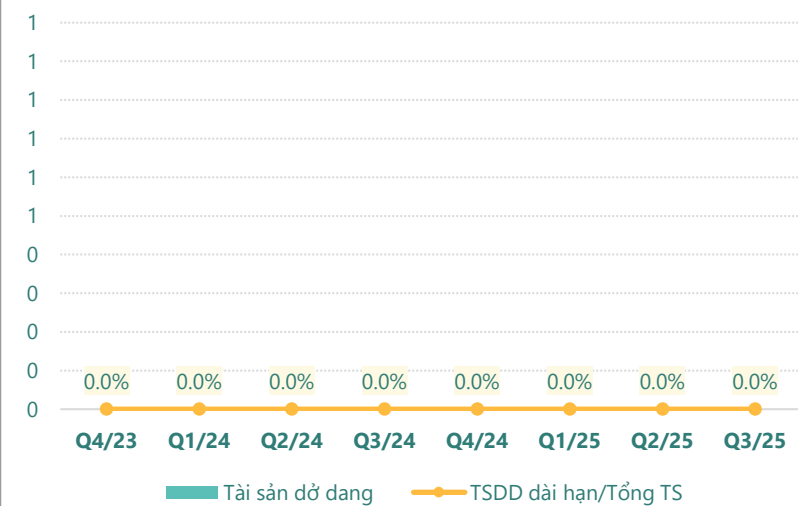
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

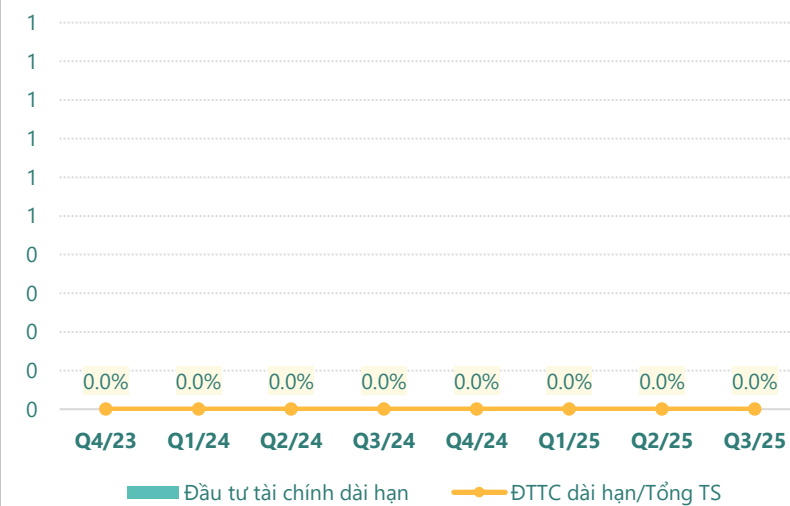
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

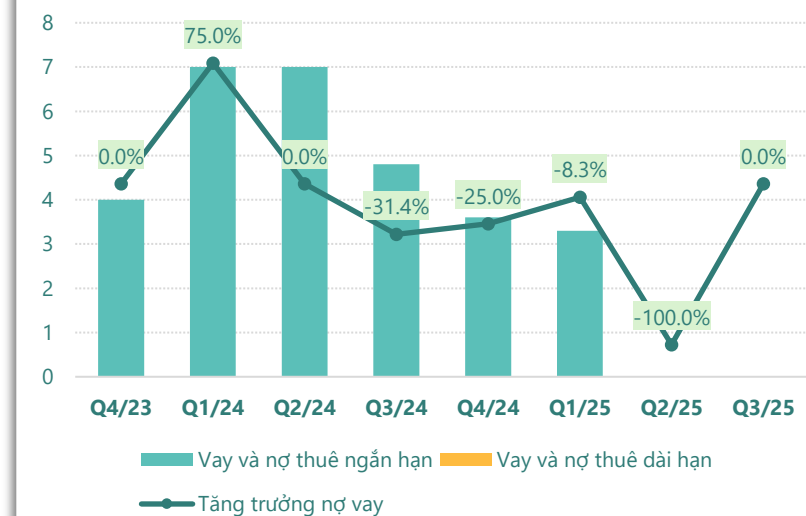
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

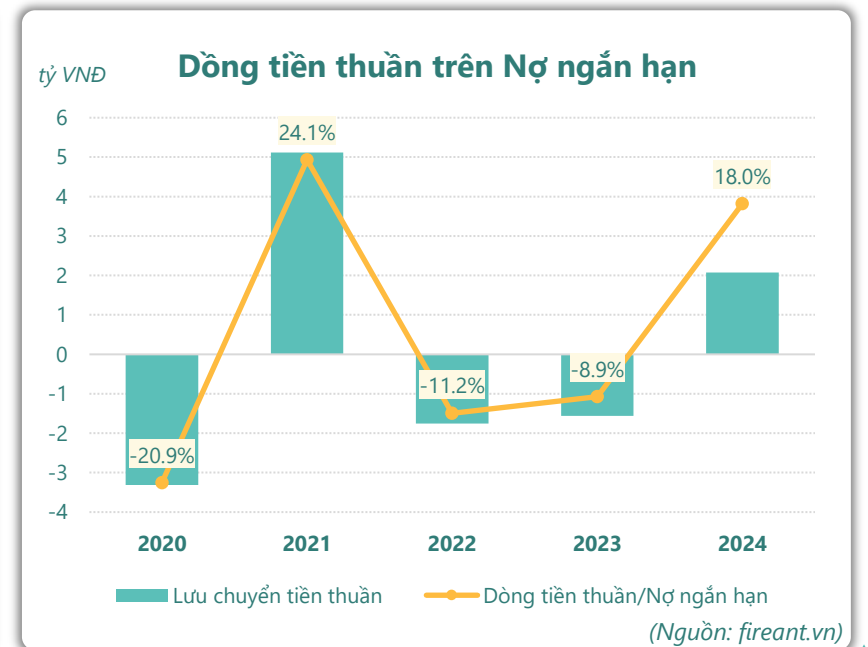
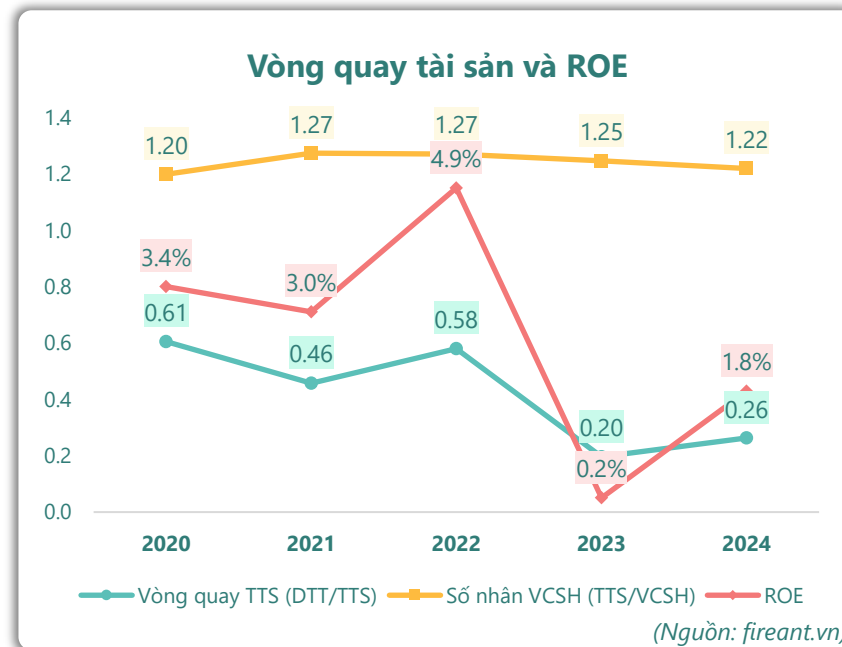
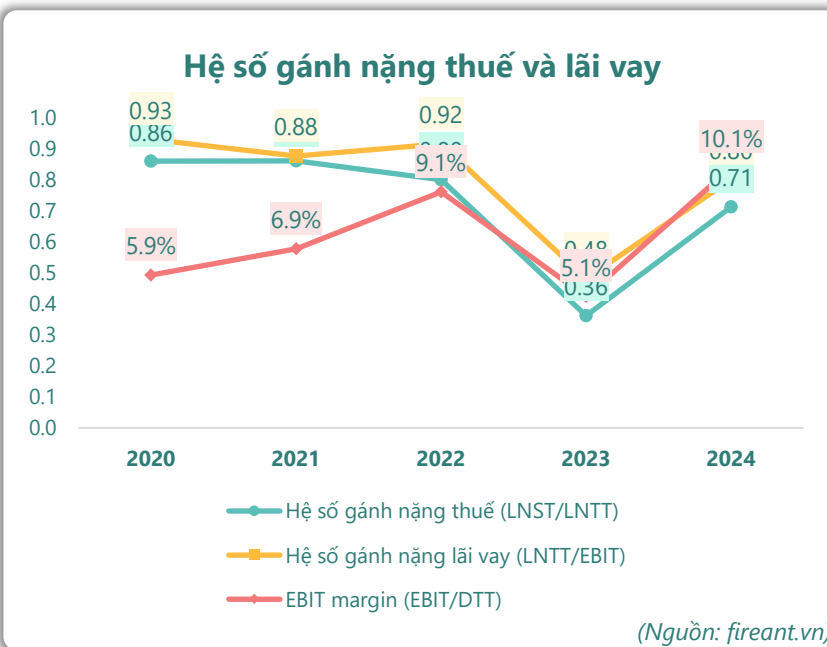
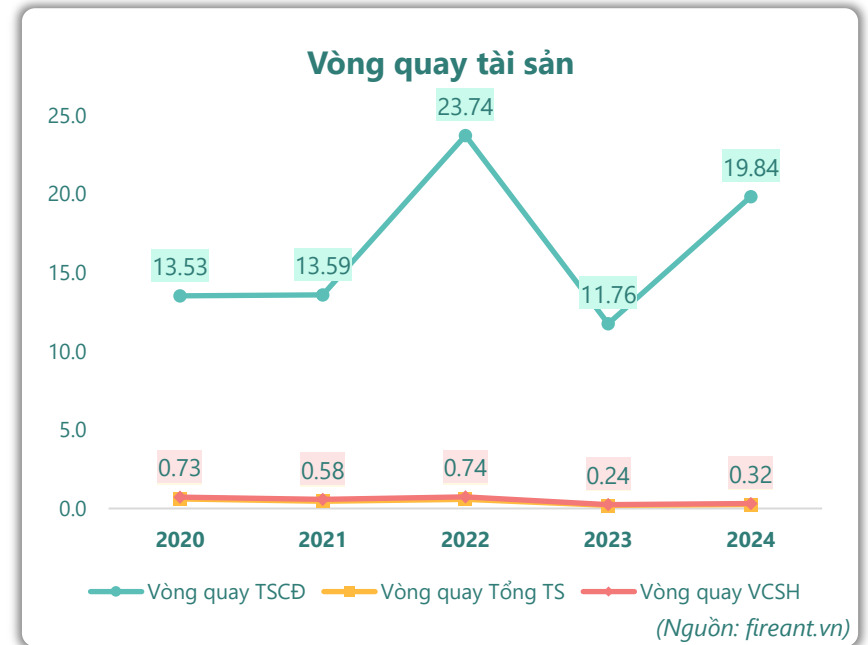
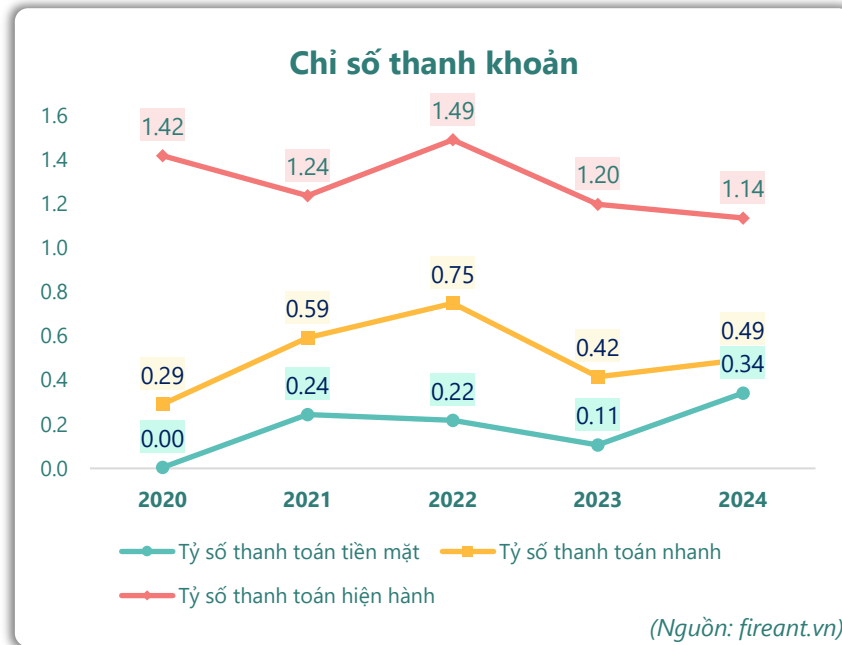
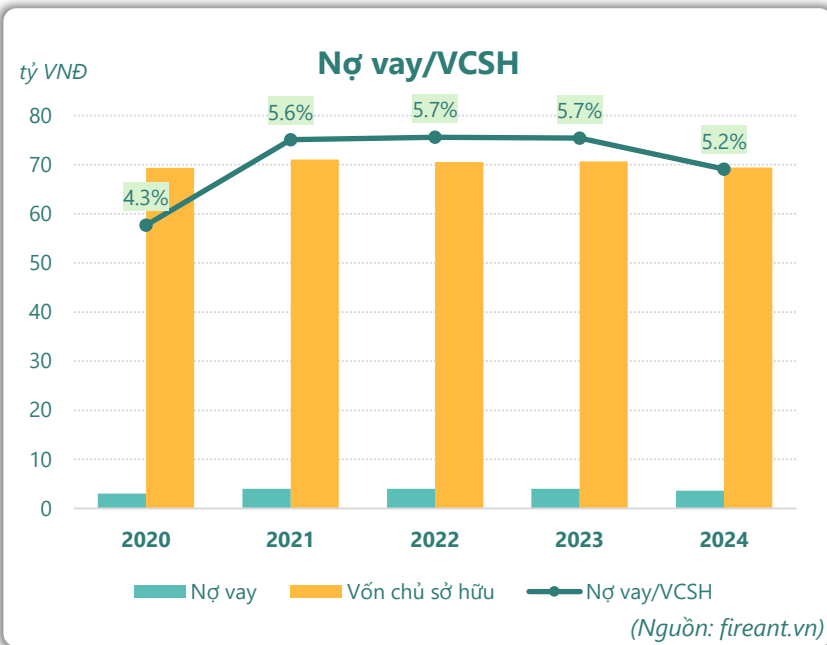
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	12.2	7.10	72.4%	29.2	17.6	66.2%
Giá vốn hàng bán	10.3	4.65	122%	21.9	11.5	89.9%
Lợi nhuận gộp	1.91	2.45	-22.2%	7.30	6.03	20.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.03	0.00	1083%
Chi phí TC	0	0.12	-100%	0.08	0.38	-79.5%
Chi phí lãi vay	0	0.12	-100%	0.08	0.38	-79.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.36	0.23	57.7%	0.77	0.65	18.7%
Chi phí QLDN	1.06	1.41	-24.6%	2.89	3.20	-9.9%
LN thuần từ HĐKD	0.48	0.69	-30.3%	3.59	1.80	99.2%
Lợi nhuận khác	0	0.12	-100%	0.01	-0.61	101%
LN trước thuế	0.48	0.81	-40.6%	3.60	1.20	201%
Lợi nhuận sau thuế	0.38	0.65	-40.8%	2.87	0.81	254%
LNST của CĐ cty mẹ	0.38	0.65	-40.8%	2.87	0.81	254%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.07	2.77	3.54	2.10	2.29	3.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.07	0.12	0.02	0.00	0.02	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-2.20	-3.77	-0.30	-3.30	0
Tiền đầu kỳ	1.45	3.45	4.15	3.94	5.74	4.75
Lưu chuyển tiền thuần	2.00	0.70	-0.21	1.80	-0.99	3.96
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.45	4.15	3.94	5.74	4.75	8.71

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	85.9	81.8	5.0%
Tài sản ngắn hạn	13.0	13.1	-1.0%
Tiền và tương đương tiền	8.71	3.94	121%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0.46	1.17	-60.4%
Hàng tồn kho	3.20	7.40	-56.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.59	0.59	-0.5%
Tài sản dài hạn	72.9	68.7	6.1%
Phải thu dài hạn	2.22	2.14	3.3%
Tài sản cố định	0.78	0.99	-21.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	69.9	65.6	6.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.0	12.4	13.3%
Nợ ngắn hạn	13.1	11.5	14.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.60	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.29	2.91	-55.6%
Nợ dài hạn	0.89	0.85	4.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	71.8	69.4	3.5%
Vốn chủ sở hữu	71.8	69.4	3.5%
Vốn điều lệ	50.2	50.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

